

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN SÔNG LÔ
TỈNH VĨNH PHÚC**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập- Tự do- Hạnh Phúc**

Bản án số: 24/2018/HSST
Ngày 10 tháng 7 năm 2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SÔNG LÔ, TỈNH VĨNH PHÚC
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Huệ

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Trung
2. Bà Nguyễn Thị Hồng Châm

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Trần Thị Kim Dung- Thư ký

Tòa án nhân dân huyện Sông Lô, tỉnh Vĩnh Phúc

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sông Lô tham gia phiên tòa: Ông Vũ Văn Nam- Kiểm sát viên

Ngày 10 tháng 7 năm 2018, tại trụ sở nhà văn hóa UBND xã Tân Lập, huyện Sông Lô, tỉnh Vĩnh Phúc mở phiên tòa xét xử lưu động sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 22/2018/HSST ngày 18 tháng 6 năm 2018 đối với bị cáo:

Nguyễn Trọng T, sinh năm 1973; nơi cư trú: thôn G, xã T, huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc; nghề nghiệp: làm ruộng; trình độ văn hoá: 04/12; con ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1944 và bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1944; vợ: Nguyễn Thị H, sinh năm 1974; có 02 con lớn sinh năm 1994, nhỏ sinh năm 1997; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp tạm giữ, tạm giam từ ngày 28/3/2018 đến nay, (có mặt).

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1974, (vắng mặt); trú tại: thôn G, xã T, huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 20 giờ 10 phút ngày 28/03/2018, Nguyễn Trọng T là đối tượng nghiện ma túy, điều khiển xe mô tô BKS 88D1 – 12074 đi đến khu vực bờ kênh xã Y, huyện S gặp một người đàn ông tên là H hỏi mua 200.000đ tiền ma túy để sử dụng. H đồng ý và bán cho T 01 gói ma túy heroin với giá 200.000đ. T cầm gói ma túy trong lòng bàn tay trái và điều khiển xe mô tô định quay về để sử dụng. Khi T đi đến khu vực bờ hồ Ngọc Đá thuộc thôn T, xã Y thì bị lực lượng

Công an huyện Sông Lô phát hiện bắt quả tang. Thu giữ trong lòng bàn tay trái của T 01 gói nhỏ được gói bằng giấy bạc màu vàng của vỏ bao thuốc lá bên trong có chứa chất bột, cục màu trắng được niêm phong trong phong bì ký hiệu A1. T khai nhận đây là ma túy heroin vừa mua được để sử dụng cho bản thân. Thu giữ của T trong túi quần bên trái 01 điện thoại di động, trong túi quần bên phải phía sau 01 ví giả da màu nâu, 01 giấy đăng ký xe mô tô BKS 88D1 – 12074 và tạm giữ 01 xe mô tô BKS 88D1-12074.

Tại bản kết luận giám định số: 425/KLGD ngày 01/04/2018 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Vĩnh Phúc kết luận: *Chất bột, cục màu trắng của mẫu ký hiệu A1 gửi giám định có khối lượng 0,1989 gam là ma túy, loại Heroine.*

Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra, Nguyễn Trọng T đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội như đã nêu trên và khai nhận về nguồn gốc số ma túy trên T vừa mua của người đàn ông tên H ở khu vực bờ kênh xã Y, huyện S nhưng T không biết rõ họ tên, tuổi, địa chỉ cụ thể của người đàn ông này ở đâu nên Cơ quan điều tra không xác minh làm rõ được.

Về vật chứng, tài sản thu giữ:

Cơ quan điều tra thu giữ 0,1989 gam ma túy Heroine. Sau khi giám định xong, Cơ quan giám định hoàn lại 0,1413 gam mẫu và toàn bộ bao gói. Đây là chất nhà nước cấm lưu hành cần tịch thu tiêu hủy.

01 điện thoại di động nhãn hiệu MASSTEL vỏ màu đen, đã cũ, đã qua sử dụng; 01 ví giả da màu nâu là tài sản hợp pháp của T không liên quan phạm tội nên trả lại cho T nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

01 xe mô tô BKS 88D1 - 12074 cùng 01 giấy đăng ký xe mô tô. Đây là tài sản hợp pháp của chị Nguyễn Thị H là vợ của T. Quá trình điều tra xác định chị H không biết T sử dụng chiếc xe trên để phục vụ việc phạm tội. Vì vậy cần xem xét trả lại cho chị H là đúng chủ sở hữu.

Quá trình điều tra, bị cáo Nguyễn Trọng T thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như đã nêu trên.

Bản cáo trạng số: 23/CT-VKS ngày 15 tháng 6 năm 2018 Viện Kiểm sát nhân dân huyện Sông Lô truy tố bị cáo Nguyễn Trọng T về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sông Lô luận tội đối với bị cáo Nguyễn Trọng T. Giữ nguyên quyết định truy tố như nội dung bản cáo trạng. Sau khi đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: điểm c khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Trọng T từ 01 năm 03 tháng tù đến 01 năm 09 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam ngày 28/3/2018 và không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Về vật chứng: Áp dụng khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự và khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Tịch thu tiêu hủy 0,1413 gam mẫu và toàn bộ bao gói do cơ quan giám định hoàn lại.

Trả lại cho Nguyễn Trọng T 01 điện thoại di động nhãn hiệu MASSTEL vỏ màu đen, đã cũ, đã qua sử dụng; 01 ví giả da màu nâu là tài sản hợp pháp của T không liên quan phạm tội nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

Trả lại cho chị Nguyễn Thị H 01 xe mô tô BKS 88D1 – 12074, 01 giấy đăng ký xe mô tô.

Bị cáo đồng ý với tội danh mà Viện kiểm sát nhân dân huyện Sông Lô đã truy tố và thừa nhận hành vi phạm tội của mình, bị cáo nhất trí với bản luận tội của đại diện Viện kiểm sát không có ý kiến tranh luận gì.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Sông Lô, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Sông Lô, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Trọng T đã thừa nhận hành vi phạm tội của mình như sau:

Khoảng 20 giờ 10 phút ngày 28/03/2018, tại khu vực bờ hồ Ngọc Đá thuộc thôn T, xã Y, huyện S, tỉnh Vĩnh Phúc, Công an huyện Sông Lô phát hiện, bắt quả tang Nguyễn Trọng T đang có hành vi tàng trữ trái phép 01 gói ma túy heroin có khối lượng 0,1989 gam, mục đích để sử dụng cho bản thân cùng toàn bộ vật chứng có liên quan.

Xét lời nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai, bản kiểm điểm của bị cáo, lời khai người làm chứng, biên bản bắt người phạm tội quả tang và các tài liệu chứng cứ khác đã thu thập theo trình tự của Bộ luật tố tụng hình sự được thể hiện trong hồ sơ vụ án. Hành vi nêu trên của Nguyễn Trọng T đã phạm vào tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy ” quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự.

Điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự quy định:

“1. Người nào tàng trữ trái phép chất ma túy mà không nhằm mục đích

mua bán, vận chuyển, sản xuất trái phép chất ma túy thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm:....

c) Heroine... có khối lượng từ 0,1 gam đến dưới 05 gam”

Do đó bản cáo trạng số: 23/CT-VKS, ngày 15 tháng 6 năm 2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Sông Lô, tỉnh Vĩnh Phúc đã truy tố bị cáo Nguyễn Trọng T về tội “ Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

Xét hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, bởi ma túy là chất độc được hủy hoại sức khỏe con người và gây tác hại xấu đến nhiều mặt của đời sống xã hội. Bị cáo là người trưởng thành, nhận thức được tác hại của ma túy nhưng vẫn cố tình thực hiện hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy. Hành vi đó của bị cáo đã xâm phạm chế độ quản lý độc quyền các chất ma túy của Nhà nước, xâm phạm trật tự công cộng. Vì vậy, cần phải xử lý nghiêm bị cáo trước pháp luật mới có tác dụng răn đe và phòng ngừa chung.

Xét về nhân thân của bị cáo cũng như các tình tiết xem xét giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự thấy rằng: Bị cáo chưa có tiền án, tiền sự gì, tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Đối chiếu với các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, cần xử phạt tù cách ly bị cáo một thời gian mới đủ điều kiện giáo dục, cải tạo bị cáo trở thành người công dân tốt, luôn có ý thức chấp hành pháp luật.

Về hình phạt bổ sung: Bị cáo không có công ăn việc làm ổn định, không có thu nhập nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

Về vật chứng: Áp dụng khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự và khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự. Tịch thu tiêu hủy 0,1413 gam mẫu và toàn bộ bao gói do cơ quan giám định hoàn lại. Trả lại cho Nguyễn Trọng T 01 điện thoại di động nhãn hiệu MASSTEL vỏ màu đen, đã cũ, đã qua sử dụng; 01 ví giả da màu nâu là tài sản hợp pháp của T không liên quan phạm tội nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án. Trả lại cho chị Nguyễn Thị H 01 xe mô tô BKS 88D1 – 12074, 01 giấy đăng ký xe mô tô.

Về án phí: Bị cáo Nguyễn Trọng T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

1. Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Trọng T phạm tội “ Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

2. Hình phạt: Áp dụng: điểm c khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Trọng T 01 (một) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam ngày 28/3/2018.

3.Về xử lý vật chứng: Áp dụng khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự và khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự. Tịch thu tiêu hủy 0,1413 gam mẫu và toàn bộ bao gói do cơ quan giám định hoàn lại. Trả lại cho Nguyễn Trọng T 01 điện thoại di động nhãn hiệu MASSTEL vỏ màu đen, đã cũ, đã qua sử dụng; 01 ví giả da màu nâu nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án.Trả lại cho chị Nguyễn Thị H 01 xe mô tô BKS 88D1 – 12074, 01 giấy đăng ký xe mô tô (có đặc điểm như biên bản giao nhận vật chứng).

4. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 135 Bộ luật tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 3, khoản 1 Điều 21 Nghị quyết số: 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án. Bị cáo Nguyễn Trọng T phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm để xét xử phúc thẩm. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc niêm yết tại Ủy ban nhân dân nơi cư trú của người vắng mặt.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

(đã ký tên và đóng dấu)

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc;
- Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Sông Lô;
- Chi cục Thi hành án huyện Sông Lô;
- Công an huyện Sông Lô;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Vĩnh Phúc;
- Ủy ban nhân dân xã Tử Du;
- Bị cáo;
- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan;
- Lưu: hồ sơ, án văn.

Trần Thị Huệ